

Ngôn ngữ thay đ i theo th i gian, theo sinh ho t xã h i . M i ngày, t nh ng đ i m i c a đ i s ng, t nh ng nh h ng c a văn minh ngo i qu c mà ngôn ngữ đ n đ n chuy n bi n



trong n c, hi n t ng dùng ch nghĩa k c c do CS B c Vi t du nh p vào mi n Nam , lai cẩng v i nhi u t ng m i ch r t ngô nghê và xa l đ i v i ph n đông dân chúng. V i ch tr ng nô m na hóa ngôn ngữ Vi t, t p đoàn CS n m quy n đã l m đ ng t thu n Vi t quá m c tr thành thô t c (nh : "x ng đ " dùng cho "nhà b o sanh", "nhà a" dùng cho "nhà v sinh", hay "lính th y đánh b " dùng cho "th y quân l c chi n" v. v... , và đ t ra nhi u t sai h n v i nguyên nghĩa.

Ngôn ngữ thay đ i theo th i gian, theo sinh ho t xã h i . M i ngày, t nh ng đ i m i c a đ i s ng, t nh ng nh h ng c a văn minh ngo i qu c mà ngôn ngữ đ n đ n chuy n bi n. Nh ng ch m i đ c t o ra, nh ng ch g n li n v i hoàn c nh sinh ho t x a cũ đã quá th i, đ n đ n bi n m t. C đ c l i nh ng áng văn th cách đây ch ng năm m i năm tr l i, ta th y nhi u cách nói, nhi u ch khá xa l , vì không còn đ c dùng hàng ngày Nh ng thay đ i này th ng làm cho ngôn ngữ tr nên sinh đ ng h n, giàu có h n, tuy nhiên, trong ti ng Vi t kho ng m y ch c năm g n đây đã có nh ng thay đ i r t kém c i Ban đ u nh ng thay đ i này chi gi i h n trong ph m vi B c vĩ tuy n 17, nh ng t sau ngày c ng s n toàn chi m Vi t Nam, 30 tháng 4 năm 1975, nó đã xâm nh p vào ngôn ngữ mi n Nam.

R i, đau đ n thay, l i ti p t c xâm nh p vào ti ng Vi t c a ng i Vi t h i ngo i Ng i ta thu n theo các thay đ i x u y m t cách l ng l , không suy nghĩ, r i t đó nó tr thành m t ph n c a ti ng Vi t hôm nay N u nh ng thay đ i y hay và t t thì là đ i u đáng m ng; Nh ng than ôi, h u h t nh ng thay đ i y là nh ng thay đ i x u, đã không làm gi u cho ngôn ngữ dân t c mà còn làm ti ng n c ta tr nên t i t m.

Thì nh ngôn d a vào đầu mà nói đó là nh ngôn thay đ i x u ? N u s thay đ i đ a l i m t ch Hán Vi t đ thay th m t ch Hán Vi t đã quen dùng, thì đây là m t thay đ i x u, n u dùng m t ch Hán Vi t đ thay m t ch Vi t thì l i càng x u h n. B i vì nó s làm cho câu nói t i đi Ng i Vi t v n d nh n hi u ti ng Vi t h n là ti ng Hán Vi t. Nh t là nh ngôn ti ng Hán Vi t này đ c mang vào ti ng Vi t ch vì ng i T u Trung Hoa bây gi đang dùng ch y N u s thay đ i đ đ a vào ti ng Vi t m t ch dùng sai nghĩa, thì đây là m t s thay đ i x u vô cùng.

Sau đây, chúng tôi xin ghi l i m t s t ng (đ c t m x p theo v n abc) mà ch đ CSVN ép dân chúng dùng, đ c lên, nói lên sai v i nguyên nghĩa, nghe thô t c, k l và nh h ng Tây ph ng r t n ng, khó có th ch p nh n:

1. "Bu i đêm". 'Bu i đêm tôi có g p đ ng chí T x a đ n nay ng i Vi t không bao gi nói "bu i đêm" c , ch nói "ban đêm", "ban ngày". "Ban" đ c hi u nh là m t th i gian kho ng 12 gi , ban đêm 12 gi c ng v i ban ngày 12 gi là 24 gi . Còn "bu i" thì chúng ta có "bu i sáng", "bu i tr a", "bu i chi u", "bu i t i". Ban ngày có 12 gi và t m coi nh có 4 bu i, nh v y m i bu i có 3 gi đ ng h Night time, day time khác v i morning; noon; afternoon; evening. Chúng ta th ng nói: 'Ch ông y m t c bu i. Bu i đây là kho ng ba gi . Câu nói khác: 'Th là m t m t bu i cày. Bu i đây l i có nghĩa m t c m t ngày công. Ch ra t bu i đêm là làm h ng ti ng Vi t.

2. "C i t o" = transform, improve; re-education. H không phân bi t "c i t o v t ch t" v i "c i t o t t ng", quan ni m chính trị. Nói : 'Ph i dùng cát đ c i t o đ t', khác v i 'Trung úy mi n Nam b đi tù c i t o. N u mu n ch a cho đ t có màu m h n nên dùng "c i ti n", "c i thi n"... Kho ng 50 năm nay t "c i t o" c n c đã hi u là t tù r i!

3. "C m giác". 'Xin anh cho bi t c m giác ra sao v hi n t ng đo nh ng gì c m th y đ c đ c b ng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: s ch m, th giác: m t th y, thính giác: tai nghe; v giác: i i n m, kh u giác: mũi ng i. Đó là các sense organs, còn c m giác và c m t ng; c m tính (feeling, khác v i lý tính) đ l m l n vì đó là sensation, impression. Dùng đúng ch ph i là: 'Xin anh cho bi t c m nghĩ, c m t ng, v hi n t ng đo chính xác h n là "c m giác". (Ngoài ra impression còn có nghĩa là n t ng, d u n). Chúng ta có th nói : có c m giác ghê s , nh m t m, l t l o, m cúg.. m t giác xu t phát t não b , tuy cũng do t n m giác quan v a k g i tín hi u lên óc.

4. "C u lông" = Badminton = M t môn th thao nh nhàn g n gi ng qu n v t, có giăng l i i cao, dùng v t nh và qu c u có g n lông vũ, đánh qua l i trên l i. Trên th c t qu c u

badminton làm gì b&#228;ng nh&#228;a không ch&#228; b&#228;ng lông gà lông vịt n&#228;a. Cách g&#228;i này thô&#228;c quá! T&#228;i sao không g&#228;i là c&#228;u lông vũ ho&#228;c bát-minh-t&#228;n? Ng&#228;i vi&#228;t còn nh&#228; có l&#228;n đã b&#228; bà v&#228; m&#228;t đ&#228;i tá s&#228;a l&#228;ng, khi l&#228; mi&#228;ng nói: lông qu&#228; đào. Bà k&#228; l&#228;i, tôi b&#228; bà Trg. Tg. Khg. m&#228;t ng&#228;i mi&#228;n B&#228;c ch&#228;a khéo: 'Ch&#228; nên g&#228;i là tuy&#228;t c&#228;a qu&#228; đào thì l&#228;ch s&#228;, thanh tao h&#228;n'. Sau đây là cách dùng sai l&#228;c, nh&#228;m ch&#228; đích tuyên truy&#228;n ho&#228;c làm gi&#228;m đi ho&#228;c tăng m&#228;c quan tr&#228;ng c&#228;a s&#228; vi&#228;c.

5. "Ch&#228;t l&#228;ng": Đây là ch&#228; đang đ&#228;c dùng đ&#228; ch&#228; tính ch&#228;t c&#228;a m&#228;t s&#228;n ph&#228;m, m&#228;t d&#228;ch vụ. Ng&#228;i ta dùng ch&#228; này đ&#228; d&#228;ch ch&#228; quality c&#228;a ti&#228;ng Anh. Nh&#228;ng than ôi! L&#228;ng không ph&#228;i là ph&#228;m tính, không ph&#228;i là quality. L&#228;ng là s&#228; nhi&#228;u ít, là quantity. Theo Hán Vi&#228;t T&#228; Đ&#228;i n c&#228;a Thi&#228;u Ch&#228;u, thì l&#228;ng là: đ&#228; đong, các cái nh&#228; cái đ&#228;u, cái h&#228;c dùng đ&#228; đong đ&#228;u g&#228;i là l&#228;ng c&#228;. V&#228;y t&#228;i sao ng&#228;i ta l&#228;i c&#228; nh&#228;m m&#228;t nh&#228;m mũi dùng m&#228;t ch&#228; sai và d&#228; nh&#228; th&#228;. Không có gì b&#228;c mình h&#228;n khi m&#228; m&#228;t t&#228; báo Vi&#228;t ng&#228; h&#228;i ngo&#228;i r&#228;i ph&#228;i đ&#228;c th&#228;y ch&#228; dùng sai này trong các bài vi&#228;t, trong các qu&#228;ng cáo th&#228;ng m&#228;i. Mu&#228;n nói v&#228; tính t&#228;t x&#228;u c&#228;a món đ&#228;, ph&#228;i dùng ch&#228; ph&#228;m. B&#228;i vì ph&#228;m tính m&#228;i là quality. Mình đã có s&#228;n ch&#228; "ph&#228;m ch&#228;t" r&#228;i t&#228;i sao l&#228;i b&#228; quên mà dùng ch&#228; "ch&#228;t l&#228;ng". T&#228;i sao l&#228;i ph&#228;i b&#228;t ch&#228;c m&#228;y anh cán ng&#228;, cho thêm bu&#228;n ti&#228;ng n&#228;c ta.

6. "Cu&#228;c g&#228;p" = meet, run into = h&#228;i ki&#228;n, g&#228;p m&#228;t, g&#228;p g&#228;, bu&#228;i h&#228;p. Nghe "Cu&#228;c g&#228;p" th&#228;y c&#228;t ng&#228;n, ch&#228;a tr&#228;n nghĩa. Ý h&#228; mu&#228;n t&#228; m&#228;t cu&#228;c h&#228;i ki&#228;n tay đôi, m&#228;t l&#228;n g&#228;p g&#228;, ch&#228;a h&#228;n là m&#228;t h&#228;i ngh&#228; (conference). Nên dùng nh&#228; thí d&#228; này: "B&#228; tr&#228;ng Thái đã h&#228;i ki&#228;n g&#228;p b&#228; tr&#228;ng Lào"...

7. "C&#228;i". Nhà văn Lê Minh Hà đi t&#228; mi&#228;n B&#228;c, công tác &#228; Đông Đ&#228;c, r&#228;i xin t&#228; n&#228;n &#228; Đ&#228;c, vi&#228;t trong t&#228;p truy&#228;n ng&#228;n "Trăng G&#228;a": 'B&#228;n này ch&#228;a c&#228;i', 'chúng tôi c&#228;i' đó là thói quen t&#228; vùng c&#228;ng s&#228;n. Đây không ph&#228;i là l&#228;i hành văn m&#228;i l&#228;, ki&#228;u cách ch&#228; là thói quen dùng sai t&#228; To marry, get married, nh&#228;ng ng&#228;i Vi&#228;t ph&#228;i nói là: 'Chúng tôi ch&#228;a làm đám c&#228;i; b&#228;n này c&#228;i nhau. Câu này l&#228;i do m&#228;t vai n&#228; t&#228; thu&#228;t, l&#228;i càng sai n&#228;ng n&#228;a. Chúng ta ch&#228; nói "c&#228;i v&#228;", không bao giờ nói "c&#228;i ch&#228;ng" c&#228;. Ch&#228; có hai tr&#228;ng h&#228;p dùng đ&#228;c hai ch&#228; "c&#228;i ch&#228;ng". M&#228;t là cô gái có l&#228;i l&#228;m nào đó, nhà gái ph&#228;i b&#228; ti&#228;n, ch&#228;u m&#228;i chi phí đám c&#228;i đ&#228; l&#228;y cho đ&#228;c m&#228;t t&#228;m ch&#228;ng. Hai là nh&#228;ng đ&#228;ng bào thi&#228;u s&#228;, s&#228;c dân nào còn theo ch&#228; đ&#228; m&#228;u h&#228;, cô gái c&#228;i ch&#228;ng, vì chàng r&#228; s&#228; thu&#228;c v&#228; nhà gái. Nhà gái ph&#228;i tr&#228; cho nhà trai trâu, l&#228;n, gà, chiêm đ&#228;ng, v.v. đ&#228; mua r&#228;.

8. "Đ&#228;i trà" = on a large scale = c&#228; l&#228;n, quy mô l&#228;n. Thí d&#228;: "đ&#228;ng bào tr&#228;ng cây cà phê đ&#228;i trà". T&#228;i sao không dùng nh&#228; tr&#228;c c&#228; là "quy mô l&#228;n"? Ngoài ra dùng "đ&#228;i trà" là b&#228;t ch&#228;c Trung Qu&#228;c. Có th&#228; gây hi&#228;u l&#228;m là "cây trà l&#228;n"!!

9. " Đăng ký" = register = ghi tên, ghi danh. Nghĩa r&#223;t đ&#223;n gi&#223;n, nh&#223;ng b&#223;t ch&#223; c Trung Qu&#223;c, c&#223; dùng Hán-Vi&#223;t. Câu nói sau đây nghe k&#223; l&#223;: 'Tôi đã đăng ký mua khoai mì ở Ph&#223;ng...'. T&#223;i sao không dùng "ghi danh", "ghi tên"? " Đăng ký" là m&#223;t ch&#223; mà ng&#223; i C&#223;ng S&#223;n mi&#223;n B&#223;c dùng vì tình th&#223;n nô l&#223; ng&#223; i T&#223;u c&#223;a họ đ&#223;n khi toàn chi&#223;m lãnh th&#223;, họ đã làm cho ch&#223; này tr&#223;n nên ph&#223; thông ở kh&#223;p n&#223;c. Tr&#223;c đây, ta đã có ch&#223; "ghi tên" (và "ghi danh") đ&#223; ch&#223; cùng m&#223;t nghĩa. Ng&#223; i T&#223;u dùng ch&#223; "đăng ký" đ&#223; d&#223;ch ch&#223; 'register' từ tiếng Anh. Ta hãy dùng ch&#223; "ghi tên" hay "ghi danh" cho câu nói tr&#223;n nên sáng s&#223;a, rõ nghĩa. Dùng làm chỉ cái ch&#223; Hán Vi&#223;t kia đ&#223; cho có ý nô l&#223; ng&#223; i T&#223;u!

10. " Đ&#223;u ra, đ&#223;u vào" = output, input = cái đ&#223;a ra, cái đ&#223;a vào, dòng đ&#223;n cho vào máy; đ&#223; ki&#223;n đ&#223;a vào máy vì tính. Họ còn dùng có nghĩa là v&#223;n, học thì gi&#223;, công s&#223;c b&#223; vào và k&#223;t qu&#223; c&#223;a cu&#223;c đ&#223;u t&#223; đó. Nh&#223;ng dùng "đ&#223;u ra, đ&#223;u vào" nghe thô t&#223;c (gi&#223;ng nh&#223; t&#223; b&#223; ph&#223;n = m&#223;t ph&#223;n vi&#223;c, m&#223;t nhóm, t&#223;, đã b&#223; nhà văn n&#223; Kathy Tr&#223;n đ&#223;p ch&#223;t, h&#223;i: "B&#223; ph&#223;n gì?" b&#223; ph&#223;n c&#223;a đàn ông, đàn bà ). Có th&#223; dùng "v&#223;n đ&#223;u t&#223;" và "k&#223;t qu&#223; s&#223;n l&#223;ng".

11. "Gi&#223;i phóng" = liberate, emancipate/ free, relieve, release = gi&#223;i t&#223;a, x&#223;, th&#223;, tr&#223; t&#223; do T&#223; gi&#223;i phóng ch&#223; nên dùng cho con ng&#223; i, không dùng cho loài v&#223;t, đ&#223;t, v&#223;n... Họ l&#223;m đ&#223;ng t&#223; gi&#223;i phóng, nghe không thu&#223;n tai và sai nghĩa. Thí d&#223;: ' Đã gi&#223;i phóng (gi&#223;i t&#223;a) xong m&#223;t b&#223;ng đ&#223; xây đ&#223;ng nhà máy; Anh công an l&#223;u thông tích c&#223;c công tác đ&#223; gi&#223;i phóng (gi&#223;i t&#223;a) xe c&#223; ; Em X gi&#223;i phóng (th&#223;) con chó !! Nh&#223;ng câu sau đây m&#223;i là dùng đ&#223;ng cách: 'phong trào gi&#223;i phóng ph&#223;n ; Công cu&#223;c gi&#223;i phóng nô l&#223; .'

12. "Hi&#223;n th&#223;" 'Ch&#223; c&#223;n ở n&#223; nút thì m&#223;i nhu c&#223;u s&#223; đ&#223;c hi&#223;n th&#223; trên máy tính...' (appear on screen). T&#223;i sao không nói "s&#223; th&#223;y hi&#223;n rõ trên máy".

13. "Hùng hi&#223;m" ' Đ&#223;a th&#223; n&#223; i đó r&#223;t hùng hi&#223;m...' hùng vĩ = hi&#223;m tr&#223; (majestic greatness + dangerous).

14. "Kh&#223; năng": Ch&#223; này t&#223;ng đ&#223;ng v&#223; i ch&#223; ability trong tiếng Anh, và ch&#223; đ&#223;c dùng cho ng&#223; i, t&#223;c là v&#223; i ch&#223; t&#223; có th&#223; t&#223; gây ra hành đ&#223;ng đ&#223;ng theo ch&#223; ý. Tuy nhiên hi&#223;n nay ở Vi&#223;t nam ng&#223; i ta dùng ch&#223; "kh&#223; năng" trong b&#223;t k&#223; tr&#223;ng h&#223;p nào, t&#223;o nên nh&#223;ng câu nói r&#223;t k&#223;c c&#223;c. Ví d&#223; thay vì nói là 'tr&#223;i hôm nay có th&#223; m&#223;a, thì ng&#223; i ta l&#223; i nói: 'tr&#223;i hôm nay có kh&#223; năng m&#223;a, nghe v&#223;a n&#223;ng n&#223;, v&#223;a sai. "Có kh&#223; năng": Đây là cách s&#223; đ&#223;ng r&#223;t Tây, thí d&#223;: 'Hôm nay th&#223;i ti&#223;t có kh&#223; năng m&#223;a, chúng ta t&#223;m ch&#223;p nh&#223;n (sao không nói gi&#223;n đ&#223; là: "Hôm nay tr&#223;i có

th m a" ?). Th d này khó ch p nh n: 'H c sinh X có kh năng không đ t đi m t t nghi p'. Có kh năng là ability; aptitude; capacity và luôn luôn dùng tr ng thái tích c (positive), không bao gi dùng v i tr ng thái tiêu c (negative). Nh ng câu sau đây nghe r t ch ng: 'B nh nhân có kh năng b hôn mê'. 'Đ ch có kh năng b tiêu di t..' v.v...

15. "Kh thi" = fisible, applicable; ability to carry out = có th th c hi n đ c, có th thi hành đ c. "Kh thi" và "b t kh thi" cũng ch u nh h ng n ng c a Trung Qu c. Sao không dùng: "không th c hi n đ c" hay "không th c hi n n i". Ngoài ra "kh thi" s đ a đ n s hi u l m là "có th d thi đ c".

16. "Kh n tr ng": Tr c năm 1975 chúng ta đã c i nh ng ng i lính c ng s n, khi h dùng ch này thay th ch 'nhanh chóng'. Nh ng than ôi, ngày nay v n còn nh ng ng i Vi t Nam (và c m t s ng i sang M sau này) v n vô tình làm thoái hóa ti ng Vi t b ng cách b ch 'nhanh chóng' đ dùng ch 'kh n tr ng'. Đáng l ph i nói là: 'Làm nhanh lên' thì ng i ta nói là: 'làm kh n tr ng lên'.

17. "Kh ng đ nh". Thói quen dùng đ ng t này b l m đ ng: 'Di n viên X đã kh ng đ nh đ c tài năng. Đ ng chí A kh ng đ nh v trí giám đ c'. Kh ng đ nh; xác đ nh, xác nh n = affirm và confirm có nghĩa g n gi ng nhau, ngoài nghĩa theo lu t pháp có nghĩa là phê chu n, chu n y. Tuy nhiên âm thanh c a kh ng đ nh nghe n ng n .

18. "Kích c u" = to level the bridge/ needing to sitimulate = nhu c u đ kích thích/ nâng cao cái c u lên. C hai nghĩa đ u hàm ý là ch t xúc tác, kích thích t khi n s v c ti n nhanh h n. Cách dùng h i l : Bên công chánh có l i dùng nh ng con đ i đ nâng cao cái c u giao thông lên. T i sao không dùng "kích thích t", "ch t xúc tác" nh tr c?

19. "Làm rõ" 'Công an Ph ng 16 đang làm rõ v v c này. Làm rõ=clarify, c n làm rõ vì có s mù m , ch a minh b ch, ngoài còn có nghĩa g n nh nói l i cho rõ, đ nh chính. Đ ng nghĩa ph i là đi u tra = investigate. Cách s đ ng t làm rõ cũng gi ng nh làm v c (v i công an) ch nh m xóa b t s ghê s , hãi hùng c a ng i dân khi ph i ti p xúc v i công an c ng s n. H c tránh nh ng đ ng t nh "đi u tra", "khai báo", "trình di n" v.v...

20. "Liên h ": Cũng t mi n B c, ch này lan kh p n c và nay cũng tràn ra h i ngo i Liên h là có chung v i nhau m t ngu n g c, m t đ c tính. Ng i c ng s n Vi t Nam dùng ch liên h

đ&#225; t&#225; ý nói chuy&#225;n, đàm tho&#225;i. T&#225;i sao không dùng ch&#225; Vi&#225;t là 'nói chuy&#225;n' cho đúng và gi&#225;n d&#225;. Ch&#225; liên "h&#225; d&#225;ch" sang ti&#225;ng Anh là 'to relate to', ch&#225; không ph&#225;i là 'to communicate to'.

21. "Ngài": 'B&#225; tr&#225;ng ngo&#225;i giao ta đã g&#225;p Ngài Brown th&#225; tr&#225;ng thành ph&#225; San Francisco . Ngài là Sir, m&#225;t t&#225;c v&#225; c&#225;a Ho&#225;ng gia n&#225;c Anh ban cho m&#225;t nh&#225;n v&#225;t nào đó. Sir có th&#225; d&#225;ch ra là Hi&#225;p sĩ, cũng có th&#225; là Knight = H&#225;u t&#225;c xu&#225;ng đ&#225;n t&#225;ng Nam t&#225;c = Baronet. Theo nghĩa th&#225; nh&#225; "ngài" là m&#225;t t&#225; dùng đ&#225; xu&#225;ng h&#225; và là m&#225;t t&#225; tôn xu&#225;ng nh&#225; c&#225;, ông bà, bác, chú. Trong c&#225; hai tr&#225;ng h&#225;p câu trên đ&#225; sai. Ông W. Brown ch&#225;a bao gi&#225; đ&#225;c N&#225; ho&#225;ng Anh trao t&#225;ng t&#225;c hi&#225;u Sir. Theo l&#225;i xu&#225;ng h&#225; chính th&#225;c ngo&#225;i giao c&#225;a M&#225; và theo l&#225;i Vi&#225;t Nam , không nên g&#225;i ông W. Brown là Ngài vi&#225;t hoa. Theo l&#225;i xu&#225;ng h&#225; chính th&#225;c c&#225;a M&#225;, trên văn th&#225; ph&#225;i là:

The Honorable ..W. Brown

Mayor of San Francisco

Hình th&#225;c chào h&#225;i:

Sir: Dear Mayor Brown

Nh&#225; th&#225; g&#225;i m&#225;t ông th&#225; tr&#225;ng M&#225; là Ngài đã hoàn toàn sai.

Qua sách báo t&#225; sau 1954, mi&#225;n B&#225;c dùng sai và l&#225;m đ&#225;ng t&#225; Ngài.

Cách dùng th&#225; nh&#225;t đ&#225; tôn xu&#225;ng quá đáng gi&#225;i ch&#225;c ngo&#225;i qu&#225;c, th&#225; nh&#225; là đ&#225; ch&#225; di&#225;u, khô&#225;i h&#225;i các nh&#225;n v&#225;t trong kh&#225;i t&#225; do dân ch&#225;, và &#225; mi&#225;n Nam, thí đ&#225; : Ngài đ&#225;i úy, ngài thi&#225;u tá ngay c&#225; có đ&#225;o h&#225; đã g&#225;i Thi&#225;u t&#225;ng Nguy&#225;n Cao K&#225; là Nguyên so&#225;i! T&#225; sau 1954, trong mi&#225;n Nam g&#225;n nh&#225; không bao gi&#225; chúng ta th&#225;y xu&#225;t hi&#225;n t&#225; Ngài! Ch&#225; đ&#225; c&#225;ng s&#225;n t&#225; nh&#225;n là vô s&#225;n, đánh phong ki&#225;n, di&#225;t quan l&#225;i, nh&#225;ng nay h&#225; l&#225;i quan l&#225;i, phong ki&#225;n h&#225;n ai h&#225;t. Ch&#225;ng c&#225; qua t&#225; tôn xu&#225;ng Ngài và h&#225; còn t&#225; nh&#225;n và g&#225;i các cán b&#225; và nh&#225;n v&#225;t quan tr&#225;ng ngo&#225;i qu&#225;c là Quan ch&#225;c. Quan ch&#225;c = officials, có th&#225; d&#225;ch là "viên ch&#225;c", hay "gi&#225;i ch&#225;c ngo&#225;i giao", "nh&#225;n viên chính ph&#225;", "ph&#225;i đ&#225;n ngo&#225;i giao", v.v...

22. "Ngh&#225; nh&#225;n": Ta v&#225;n g&#225;i nh&#225;ng ng&#225;ng&#225;i này là 'ngh&#225; sĩ'. M&#225;c dù đây cũng là ti&#225;ng Hán Vi&#225;t, nh&#225;ng ng&#225;ng&#225;i T&#225;u không có ch&#225; "ngh&#225; sĩ", h&#225; dùng ch&#225; "ngh&#225; nh&#225;n". Có nh&#225;ng ng&#225;ng&#225;i t&#225;ng r&#225;ng ch&#225; 'ngh&#225; nh&#225;n' cao h&#225;n ch&#225; 'ngh&#225; sĩ', h&#225; đ&#225;u bi&#225;t r&#225;ng nghĩa cũng nh&#225; v&#225;y, mà s&#225; đ&#225;ng&#225;i c&#225;ng s&#225;n Vi&#225;t Nam dùng ch&#225; 'ngh&#225; nh&#225;n' là vì tinh th&#225;n nô l&#225; Trung Hoa.

23. "Qu&#225;n lý" = management = qu&#225;n tr&#225;, ch&#225;u trách nhi&#225;m. B&#225;t ch&#225;c t&#225; Trung Qu&#225;c và b&#225; l&#225;m đ&#225;ng. Nói: 'Anh X qu&#225;n lý m&#225;t xí nghi&#225;p' thì đ&#225;c, nh&#225;ng câu sau 'nh&#225;i l&#225;i khô&#225;i h&#225;i 'Anh s&#225; xây đ&#225;ng v&#225;i đ&#225;ng chí gái, và đ&#225;ng chí gái s&#225; qu&#225;n lý đ&#225;i anh...'. "Qu&#225;n lý" ch&#225; dùng đ&#225; trong lĩnh v&#225;c kinh doanh, th&#225;ng m&#225;i, hành ch&#225;nh. "Qu&#225;n lý" không dùng cho lĩnh v&#225;c tình c&#225;m đ&#225;c, tình c&#225;m không ph&#225;i là m&#225;t lô hàng, không ph&#225;i là m&#225;t xí nghi&#225;p.

24. "S&#225; h&#225;u". 'M&#225;i quan h&#225; Vi&#225;t-M&#225; ch&#225; là s&#225; h&#225;u. S&#225; h&#225;u + b&#225;n m&#225;i quen, m&#225;i làm b&#225;n (new friendship). T&#225;i sao không nói: 'M&#225;i quan h&#225; Vi&#225;t-M&#225; ch&#225; là b&#225;n m&#225;i quen'...?

25. "S c ": "S c k thu t": t i sao không dùng ch v a gi n d v a ph thông tr c đây nh 'tr ng i hay 'tr ng i k thu t' hay gi n d h n là ch 'h ng'? (Nói 'xe tôi b h ng' rõ ràng mà gi n d h n là nói 'xe tôi có s cô).

26. "Tai t n n". 'Tai t n n x y ra khá nhi u trên đ n đ ng này, tai n n + t n n xã h i (accident + social crime/evil). Cách ghép n i k l

27. "Thành viên" = member = theo cách nói và vi t thông th ng là m t ng i trong m t t ch c, h i đoàn, nhóm nào đó. Không th dùng "thành viên" cho m t cá nhân trong gia đình đ c. Thí d sau đây nghe r t Tây: 'Các thành viên trong h đó có cha, m và hai con/ Bé Năm là m t thành viên trong gia đình...'. T i sao không nói: 'Trong gia đình đó có cha, m và hai con/ Bé Năm là m t đ a con trong gia đình...'. Thí d sau đây m i là dùng đúng: 'M là thành viên trong H i đ ng B o An Liên Hi p Qu c có quy n ph quy t ..'

28. "Tham quan": đi thăm, đi xem thì nói là đi thăm, đi xem cho r i t i sao l i ph i dùng cái ch này c a ng i T u! Sao không nói là 'Tôi đi Nha Trang ch i, 'tôi đi thăm lăng Minh M ng', mà l i ph i nói là 'tôi đi tham quan Nha Trang', 'tôi đi tham quan lăng Minh M ng'.

29. "Tháng m t; tháng m i hai". Hi n nay i Vi t Nam trong tr ng h c h không d y h c sinh "tháng giêng" và "tháng ch p" n a. Tháng giêng và tháng ch p là cách g i r t Vi t Nam . L ch in i Vi t Nam ghi tháng m t là tháng giêng c . T x a đ n nay chúng ta v n g i tháng đ u năm âm l ch là "tháng giêng", tháng th 11 là "tháng (m i) m t" và tháng cu i năm là "tháng ch p". G i là tháng ch p là do tháng cu i năm âm l ch có nhi u l , trong đó có l ch p. Ca dao đã có câu:

"Tháng ch p là ti t tr ng khoai

Tháng giêng tr ng đ u tháng hai tr ng cà"

Tháng th 11 âm l ch g i là "tháng m t" đ l m l n v i tháng giêng, nên đã t m b . Nh ng g i tháng January đ ng l ch là "tháng m t" nghe không n, ph i g i là tháng giêng. Còn tháng December g i là tháng m i hai, không có v n đ . Nh ng h c có d y cho h c sinh ti u h c hi u r ng mu n ch tháng th 12 trong năm âm l ch b t bu c ph i g i là tháng ch p không?

30. "Th ng nh t". 'Tôi đã xu ng huy n th ng nh t đ ng chí X .' Câu này m c hai l i. Th nh t thi u t liên t v i, th nh i là th ng nh t đ u gì, chuy n gì. Th ng nh t (unify; unified). Tr ng h p này ph i nói là "đ ng ý" v i; "nh t trí" v i.

31. "Th nh t, th nh". T x a theo cách đ m s , chúng ta có con s th ng (cardinal number) nh 1.2.3.4 và s th t (ordinal number) th nh t, th nh. Hi n nay h đ ng nh không a dùng s th t và g i th nh là th hai. Ch second; deuxième là "th hai" đ l m l n v i "th hai" = Monday. Trên sách báo ch th y vi t: m t là; hai là. Nh th ch riêng n c Vi t Nam không c n đ n s th t (ordinal number) n a sao ?

32. "T ng thích". Giá c đó t ng thích v i ch t l ng m t hàng...' t ng đ ng = thích h p (equal = appropriated). Cách ghép n i g ng gao.

33. "Tranh th ": Thay vì dùng m t ch v a rõ ràng v a gi n đ là ch 'c g ng', t cái t sính dùng ch Hán Vi t c a ng i c ng s n, ng i ta l i dùng m t ch v a n ng n v a t i nghĩa là ch 'tranh th '. Thay vì nói: 'anh hãy c làm cho xong vi c này tr c khi v , thì ng i ta l i nói: 'anh hãy tranh th làm cho xong vi c này tr c khi v .

34. "Trao đ i" = exchange = theo nghĩa c a h là nói chuy n, đ i tho i, h i tho i. Cách dùng ch u nh h ng n ng Tây ph ng. Trao đ i theo đúng nghĩa là đ i chác 'ông đ a cái giò, bà thò chai r u. H ch u nh h ng Tây ph ng quá n ng, vì trao đ i ch áp đ ng cho hàng hóa (giao th ng) hay con ng i. Thí d : 'Hai n c trao đ i lãnh s , trao buôn bán, m u đ ch'. K i u và Kim Tr ng đã trao đ i quà t ng tình yêu cho nhau. Không bao gi trao đ i l i có nghĩa là nói chuy n, đ i tho i. Thí d sau đây cho th y cách dùng sai l c: 'Anh Phillippe Jamet đang trao đ i v i m t bé gái Vi t Nam ...'. Trao đ i gì? Quà t ng gì? Trao đ i không bao gi có nghĩa là converse, talk to, ch là exchange thôi.

35. "Tr ng th ": Coi tr ng (show consideration for/ attach important to) trong t đ i n ghi là m t t cũ, không hi u sao l i đ c dùng tr l i. Thí d : "Chúng ta ph i tr ng th y u t đó". C nôm na nói: 'Chúng ta ph i coi tr ng y u t đó là đ và gi n đ r i.

36. "Trúng th ng" = reward, award. Th nào g i là th ng? Th ng là th ng cho nh ng cá nhân hay t p th có công, tài gi i, đ t thành tích cao .. Th ng đi đôi v i ph t. V y không th nói : 'Mua hàng s đ c trúng th ng.../ Anh X trúng th ng x s thành ph X. đ c 50 tri u ' Đó ch là quà t ng, bi u không, không ph i là th ng, và ch là trúng x s ch không lĩnh th ng. X s là hình th c đánh b c, nên g i tránh đi là trúng th ng (Th t là mâu thu n, trong khi đó h b ti n ra mua máy đánh b c đ t trong các khách s n l n!!)

37. "Trúng tuy n" (nghĩa v quân s ) = select, choose/ recruit. Chúng ta v n nói và vi t "tuy n

sinh", "tuy n quân", "tuy n m", "tuy n d ng"... Nh ng nói : "trúng tuy n nghĩa v" th t là khôi hài. Nghĩa v quân s là thi hành quân d ch, đ n tu i ph i đi, b t bu c ph i đi, không có chuy n trúng tuy n hay không đ c tuy n (nên dùng theo nghĩa x u ch có dân nghèo, không có ti n đứt lót và không ph i là con cán b cao c p, m i b trúng tuy n).

38. "T li u": Tr c đây ta v n dùng ch "tài li u", r i đ làm cho khác mi n Nam , ng i mi n B c dùng ch 't li u trong ý: 'tài li u riêng c a ng i vi t'. Bây gi nh ng ng i vi t h i ngo i cũng a dùng ch này mà b ch 'tài li u', m c dù nhi u khi tài li u s đ ng l i là tài li u đ c trong th vi n ch ch ng ph i là tài li u riêng c a ông ta.

39. "V trí" = place/ position/ job, task = ch đ ng, v th / n i ch n/ vi c làm, trách v. Nh ng h dùng "v trí" cho luôn c nghĩa là "trách v", "vi c làm". Câu nói sau đây là sai: 'Anh A đã thay anh B công tác v trí k toán tr ng'. Nên nói: 'Anh A đã thay anh B công tác trách v k toán tr ng' m i đúng. Th ng th ng chúng ta hay dùng: 'Ti u đ i A đã chi m đ c m t v trí trên cao, t đó có th ng n ch n đ c trung đ i đ ch ti n lên đ i.

40. "Vùng sâu xa": Vùng r ng núi, đ m l y (highland = swamp area). Đây là cách s đ ng ch tr n tránh th c t. Vùng trong sâu hi u là vùng h o lách, sinh l y và vùng xa t c là vùng trên cao, xa. Đây là cách dùng m dân, cũng nh đ đ b đ y giáo viên, k s , bác sĩ không phe đ ng, không là con cháu cán b đ n ph c v n i kh ho cò gáy. Ngoài ra "sâu xa" còn gây hi u l m v i 'lòng c m n, bi t n sâu xa" đã quen dùng tr c đây.

41. "Xu t kh u", "C a kh u": Ng i T u dùng ch kh u, ng i Vi t dùng ch c ng. Cho nên ta nói "xu t c ng", "nh p c ng", ch không ph i nh c ng s n nh m m t theo T u g i là "xu t kh u", "nh p kh u". B i vì ta v n th ng nói phi tr ng Tân S n Nh t, phi c ng Tân S n Nh t, h i c ng H i Phòng, giang c ng Saigon, th ng c ng Saigon. Ch không ai nói phi kh u Tân S n Nh t, h i kh u H i Phòng, th ng kh u Saigon trong ti ng Vi t. Khi vi t tin liên quan đ n Vi t Nam, ta đ c b n tin c a h đ l y đ ki n, r i khi vi t l i b n tin đ b o hay đ c trên đài phát thanh t i sao không chuy n ch (x u) c a h sang ch (t t) c a mình, mà l i c copy y boong?

42. Còn hai t n a b ng i dân mi n B c l m đ ng vì l y cách dùng c a cán b là "b n thân" và "ch y u": "B n thân" = self, oneself, và "ch y u" = main, principal. Qua nh ng câu chuy n th ng ngày, chúng ta nghe h dùng hai t này b a b i, sai l ch: 'Th c ăn ch y u c a đ ng bào vùng này là ngô và khoai; Chúng tôi l y g o làm ch y u đ qui thành giá tr trao đ i. Và: 'B n thân tôi cũng không tránh kh i dao đ ng. B n thân s ki n đó còn nhi u t n t i". Ng i ta

đã bỏ quên từ "tự và chính" để dùng từ xa để nói nay, thí dụ: Thực ăn chính của chúng bào. Chính tôi cũng không tránh khỏi dao động; Tôi thân sự kiện đó. Hiện nay đang có phong trào ghép chữ của bài giữa hai từ Hán-Việt + Hán-Việt hoặc Hán-Việt + Nôm. Thí dụ: "động thái", "thể trạng", "siêu sao", "siêu trạng". Động thái là hành động + thái độ (action + attitude); thể trạng là tình trạng thân thể (physical form situation); siêu sao = super-star; siêu trạng = super-long. nghe lạ tai. Đã đành là ngôn ngữ chung qua chữ là ngôn ngữ của hiểu con người sử dụng để hiểu nhau, thông cảm nhau. Tuy nhiên ngôn ngữ của hiểu đó không được khó hiểu, bí hiểm, khó nghe, chói tai, kỳ lạ.

43. Ngôn ngữ danh từ kỳ thu hút mọi: Tôi đi đến cửa điện từ, cửa computer từ ra hiểu danh từ kỳ thu hút mọi, hay mang ý nghĩa mọi. Ngôn ngữ danh từ này theo sự phổ biến rộng rãi của kỳ thu hút đã trở nên thông dụng trong ngôn ngữ hàng ngày. Hiểu hết ngôn ngữ chữ này có gốc từ tiếng Anh, bởi vì Hoa Kỳ là nước đi trước các nước khác về kỳ thu hút. Các ngôn ngữ có ngôn ngữ cùng gốc (tiếng Đức, tiếng Pháp) thì vì chuyển đổi tự nhiên và rõ ràng, ngôn ngữ không cùng gốc, thì người ta đưa ra phương pháp hóa ngôn ngữ chữ y mà dùng. Riêng Việt Nam thì làm chuyển đổi kỳ chữ là dịch ngôn ngữ chữ y ra tiếng Việt (hay mượn ngôn ngữ chữ dịch của người T&#225;u), từ nên mượn chữ ngây ngô, người Việt cũng không thể hiểu nghĩa ngôn ngữ chữ y là gì, mà nếu hiểu cho hiểu nghĩa thì khi gặp ngôn ngữ chữ y trong tiếng Anh thì vẫn không hiểu. Ta hãy nhớ rằng, ngay cả ngôn ngữ người Mỹ không chuyên môn về điện toán, họ cũng không hiểu đích xác nghĩa của ngôn ngữ danh từ này, ngôn ngữ họ vẫn chỉ biết là chữ y dùng để chỉ các vật, các kỳ thu hút y, và họ dùng một cách tự nhiên thôi. Vậy tại sao ta không Việt hóa các chữ y mà phổ biến một công thức ra cho kỳ chữ, cho dễ hiểu. Ông cha ta đã tiếng Việt hóa biết bao nhiêu chữ tiếng từ, khi tiếp xúc với kỳ thu hút phương tây mà. Ví dụ như ta Việt hóa chữ 'pomp' thành 'bơm' (bơm xe, bơm nước), chữ 'soup' thành 'xúp', chữ 'pharé' thành 'đèn phá', chữ 'cycló' thành 'xe xích lô', chữ 'manggis' (tiếng Mã Lai) thành 'quả măng cụt', chữ 'durian' thành 'quả sầu riêng', chữ 'bougié' thành 'bu-gi, chữ 'manchon' thành 'đèn măng xông', chữ 'boulon' thành 'bù-long', chữ 'garé' thành 'nhà gá, chữ 'savon' thành 'xà-bông'?

Bây giờ để báo, thay ngôn ngữ chữ dịch mọi, thì dù đó là tiếng Việt, người để cũng vẫn không hiểu như thế nào. Hãy duyệt qua một vài danh từ kỳ thu hút bổ ích dịch qua tiếng Việt Nam, như:

a Scanner dịch thành 'máy quét'. Trông nó! 'máy quét' đây, thế còn máy lau, máy rửa đâu! Mọi người nghe chữ tiếng là máy quét nhà!

b. Data Communication dịch là 'truyền dữ liệu'

c. Digital camera d&#223;ch là 'máy &#223;nh k&#223; thu&#223;t s&#223;'

d. Database d&#223;ch là 'c&#223; s&#223; d&#223; li&#223;u. Nh&#223;ng ng&#223;i Vi&#223;t đã không bi&#223;t database là gì thì càng không bi&#223;t 'c&#223; s&#223; d&#223; li&#223;u là gì luôn.

e Software d&#223;ch là 'ph&#223;n m&#223;m', hardware d&#223;ch là 'ph&#223;n c&#223;ng' m&#223;i nghe c&#223; t&#223;ng nói v&#223; đàn ông, đàn bà. Ch&#223; 'hard' trong ti&#223;ng M&#223; không luôn luôn có nghĩa là 'kho, hay 'c&#223;ng', mà còn là 'v&#223;ng ch&#223;c' ví d&#223; nh&#223; trong ch&#223; 'hard evident' (b&#223;ng ch&#223;ng xác đáng). Ch&#223; soft trong ch&#223; 'soft benefit' (quy&#223;n l&#223;i ph&#223; thu&#223;c) ch&#223;ng l&#223; h&#223; l&#223;i d&#223;ch là 'quy&#223;n l&#223;i m&#223;m' sao ?

f. Network d&#223;ch là 'm&#223;ng m&#223;ch'.

g. Cache memory d&#223;ch là 'truy c&#223;p nhanh'.

h. Computer monitor d&#223;ch là 'màn hình' hay 'đ&#223;u ph&#223;i.

i VCR d&#223;ch là 'đ&#223;u máy. (Nh&#223; v&#223;y thì đuôi máy đâu ? Nh&#223; v&#223;y nh&#223;ng th&#223; máy khác không có đ&#223;u &#223;). Sao không g&#223;i là VCR nh&#223; mình th&#223;ng g&#223;i TV (hay Ti-Vi). N&#223;u th&#223; thì DVD, DVR thì h&#223; d&#223;ch là cái gì?

j. Radio d&#223;ch là 'cái đài'. Tr&#223;c đây mình đã Vi&#223;t hóa ch&#223; này thành ra-đ&#223;-ô hay rad&#223;ô, h&#223;c d&#223;ch là 'máy thu thanh'. Nay g&#223;i là 'cái đài' v&#223;a sai, v&#223;a k&#223;c c&#223;c. Đài ph&#223;i là m&#223;t cái tháp cao, trên m&#223;t n&#223;n cao (ví d&#223; đài phát thanh), ch&#223; không ph&#223;i là cái v&#223;t nh&#223; ta có th&#223; mang đi kh&#223;p n&#223;i đ&#223;c.

k. Chanel g&#223;i là 'kênh'. Tr&#223;c đây đ&#223; d&#223;ch ch&#223; TV chanel, ta đã dùng ch&#223; đài, nh&#223; đài s&#223; 5, đài truy&#223;n hình Vi&#223;t Nam, g&#223;i là kênh nghe nh&#223; đang nói v&#223; m&#223;t con sông đào nào đó &#223; vùng H&#223;u Giang!

Ngoài ra, đ i v i chúng ta, Saigon luôn luôn là Saigon, h n n a ng i dân trong n c v n g i đó là Saigon . Các xe đò v n ghi bên hông là 'Saigon - Nha Trang', 'Saigon - C n Th trên cu ng vé máy bay Hàng Không Vi t Nam ng i ta v n dùng 3 ch SGN đ ch thành ph Saigon. V y khi làm tin đăg báo, t i sao ng i Vi t h i ngo i c dùng tên c a m t ... đ g i thành ph thân yêu c a chúng mình?! Đi v Vi t Nam tìm đ m t không th y ai không g i Saigon là Saigon, v y mà ch c n đ c các b n tin, các truy n ng n vi t Hoa K ta th y tên Saigon không đ c dùng n a T i sao ?

Đây ch là m t vài ví d đ nói ch i thôi, ch c theo cái đà này thì ch ng m y ch c mà ng i Vi t nói ti ng T u luôn m t! T t nhiên, vì đ ng c ng s n đ c quy n t t c m i sinh ho t Vi t nam, nên ta khó có nh h ng vào ti ng Vi t đăg dùng trong n c, nh ng t i sao các nhà truy n thông h i ngo i i c nh m m t dùng theo nh ng ch k c nh th ! Cái khôi hài nh t là nhi u v trong gi i này v n th ng nh n mình là giáo s (th ng ch là giáo s trung h c đ nh t c p (ch a đ c nh n) hay đ nh c p Vi t Nam ngày tr c, ch ch ng có b ng Ph.D. nào c ), hay là các ng i gi ch c này ch c n trong các h i đoàn t cho là có trách nhi m v văn hóa Vi t Nam ngoài n c!

Tr c đây Ph m Qu nh t ng nói: 'Truy n Ki u còn thì ti ng ta còn, ti ng ta còn thì n c ta còn', bây gi Truy n Ki u v n còn mà c ti ng ta l n n c ta l i đăg đi đ n xu ng h sâu B c Thu c. Than ôi!